

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-PT

Ngày: 06 – 01 – 2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
chuyên nhượng quyền sử
dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Bà Nguyễn Thị My My.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình – Thư ký Tòa án;

Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 417/2024/TLPT-DSPT ngày 27/11/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng chuyên nhượng quyền sử dụng đất”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 426/2024/QĐ - PT ngày 23/12/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trịnh Ngọc T, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- **Bị đơn:** Bà Dương Thị Hiếu H;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Bà Trần Thị A, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Anh Trịnh Văn Hạ, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Ông Đỗ Thiên L, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

+ Chị Trịnh Thị Nhàn;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị Hiếu H và ông Đỗ Thiên L:
Ông Trương Hùng;

Địa chỉ: Số nhà 25, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk Giấy ủy quyền ngày 06/12/2023). Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Dương Thị Hiếu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trịnh Ngọc T trình bày:

Ngày 29/3/2005, vợ chồng ông Trịnh Ngọc T, bà Trần Thị A chuyển nhượng cho bà Dương Thị Hiếu H thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 09, diện tích 2114m², địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (Trước đây thuộc tổ dân phố 2), giá chuyển nhượng là 60.000.000 đồng và căn nhà gỗ trên đất giá 2.000.000 đồng, tổng số tiền chuyển nhượng nhà và đất là 62.000.000 đồng. Bà H đã trả cho ông T, bà A 25.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H sẽ trả khi hợp đồng chuyển nhượng được xác nhận, khi chuyển nhượng đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai bên có viết “Giấy sang nhượng đất thổ cư và đất vườn”. Đến ngày 17/5/2005, ông T, bà A và bà H lập “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk xác nhận.

Sau khi hợp đồng được xác nhận, bà H không trả số tiền còn lại, ông T, bà A đã nhiều lần liên hệ với bà H để tiếp tục thực hiện hợp đồng nhưng bà H đã đi khỏi địa phương. Do không gặp được bà H để giao đất, nên gia đình ông T, bà A vẫn sử dụng đất đến nay.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà A với bà H được thể hiện trong “Giấy sang nhượng đất thổ cư và đất vườn” ngày 29/3/2005 và “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 17/5/2005 là vô hiệu. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại đơn phản tố ngày 07/12/2023 của bà Dương Thị Hiếu H, ông Đỗ Thiên L và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Hùng là người đại diện của bà H, ông L trình bày:

Ngày 29/3/2005, vợ chồng ông L, bà H có nhận chuyển nhượng của ông Trịnh Ngọc T, bà Trần Thị A thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 09, diện tích 2114m², địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, giá chuyển nhượng 62.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng có lập “giấy sang nhượng đất thổ cư và đất vườn”, ông L, bà H đã đặt cọc 25.000.000 đồng cho ông T, bà A.

Hai bên thỏa thuận ông T, bà A có nghĩa vụ làm các thủ tục để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất chuyển nhượng đứng tên vợ chồng ông L, bà H, đến ngày 09/4/2005 ông L, bà H sẽ trả 37.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất còn lại cho ông T, bà A. Ông L, bà H tiếp nhận quản lý diện tích đất chuyển nhượng nói trên, vì ông T và bà A chuyển đi nơi ở mới.

Ngày 17/5/2005, ông T, bà A và bà H lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L xác nhận, nhưng đến nay ông T, bà A vẫn chưa giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L, bà H theo cam kết.

Nên ông L, bà H yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 17/5/2005 giữa ông T, bà A với bà H có hiệu lực pháp luật. Đồng thời buộc ông T, bà A tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 09, diện tích 2114m², tại tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị A trình bày:

Bà Trần Thị A thống nhất với lời trình bày của ông Trịnh Ngọc T về giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà A với bà H cũng như số tiền bà H đã trả cho ông T, bà A.

Bà A yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Ngọc T, bà Trần Thị A với bà Dương Thị Hiếu H là vô hiệu, đồng thời giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Văn Hạ trình bày:

Anh Trịnh Văn Hạ là con của ông Trịnh Ngọc T và bà Trần Thị A. Anh Hạ thống nhất với lời trình bày của ông T về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Ngọc T, bà Trần Thị A với bà Dương Thị Hiếu H và những yêu cầu của ông T yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tường trình ngày 03/7/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị Nhân trình bày:

Chị Trịnh Thị Nhân là con của ông Trịnh Ngọc T và bà Trần Thị A. Chị có biết việc ông T, bà A chuyển nhượng đất cho bà H. Chị không có công sức đóng góp đối với diện tích đất chuyển nhượng. Vì vậy chị Nhân không có ý kiến gì về việc Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với bà H.

- Tại Bản án số 11/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Các điều 144, 147, 157, 158, 165, 166; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 235; Các điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2, khoản 4 Điều 131; khoản 1 Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điểm a khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013.

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; khoản 2, khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc T. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Dương Thị Hiếu H và ông Đỗ Thiên L.

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Ngọc T, bà Trần Thị A với bà Dương Thị Hiếu H, chuyển nhượng thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 09, diện tích: 2412,2m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, được thể hiện trong “Giấy sang nhượng đất thổ cư và đất vườn” ngày 29/3/2005 và “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 17/5/2005 là vô hiệu.

+ Tạm giao cho ông Trịnh Ngọc T, bà Trần Thị A thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 09, diện tích 2412,2m² (Theo kết quả đo hiện trạng thửa đất ngày 30/01/2024 của Công ty TNHH D, chi nhánh Đắk Lắk). Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

+ Buộc ông Trịnh Ngọc T, bà Trần Thị A phải trả cho bà Dương Thị Hiếu H số tiền 103.735.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 30/8/2024, bị đơn bà Dương Thị Hạnh kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Dương Thị Hiếu H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Hiếu H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và được nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Hiếu H, nhận thấy:

[2.1] Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Ngọc T, bà Dương Thị Hiếu H, các bên có lập “Giấy sang nhượng đất thổ cư và đất vườn” ngày 29/3/2005 viết tay và “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 17/5/2005 được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk xác nhận đối với diện tích 2114m², thuộc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 80a, thửa đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, tại hợp đồng thể hiện việc giao nhận số tiền 25.000.000 đồng. Các bên thừa nhận đây đều là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và phía bà H đã đưa cho ông T số tiền 25.000.000 đồng/62.000.000 đồng giá trị chuyển nhượng. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Xét các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên, thấy rằng: Tại thời điểm ký kết hợp đồng cho đến nay, ông T, bà A chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất nêu trên. Căn cứ Điều 4, Điều 5 của Luật đất đai năm 2003 quy định về việc đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu, Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất thông qua hình thức giao đất, công nhận quyền sử dụng đất. Tại điểm a khoản 1 Điều 106 của Luật đất đai năm 2003 quy định: “Người sử dụng đất được thực hiện quyền chuyển nhượng khi có các điều kiện sau đây: Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ...”.

Như vậy, thời điểm chuyển nhượng Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T và bà H thì ông T chưa phải là chủ sở hữu quyền sử dụng đất hợp pháp, thuộc trường hợp không có Giấy CNQSDĐ, là vi phạm về nội dung của hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 137 của Bộ luật dân sự năm 1995; điểm a khoản 1 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2003 nên không làm phát sinh hiệu lực của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không có căn cứ xác định quyền sử dụng đất cho bà H theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 690 Bộ luật dân sự năm 1995, không có căn cứ xác định việc đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 696 của Bộ luật dân sự năm 1995, Điều 46 Luật đất đai năm 2003, mặc dù bà H ký kết việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất công khai, ngay tình nhưng không có căn cứ pháp luật.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, thể hiện quá trình sử dụng đất từ 2005 đến nay, ông T, bà A vẫn là người trực tiếp, quản lý sử dụng thửa đất nêu trên, các bên vẫn chưa thực hiện việc bàn giao sau khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng đất. Tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tại Biên bản xác minh đã thể hiện ông Phạm Ngọc T được UBND thị trấn L, huyện L xác nhận là người sử dụng đất và thửa đất chuyển nhượng chưa được cấp Giấy CNQSDĐ. Do đó, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T, bà H theo các hợp đồng nêu trên là không đúng quy định của pháp luật nên vô hiệu.

Do các đương sự không thoả thuận được về giá trị quyền sử dụng đất, giá trị thiệt hại và theo yêu cầu của ông Trịnh Ngọc T, Tòa án đã ra quyết định thành lập hội đồng định giá. Kết quả định giá của Hội đồng định giá theo giá thị trường thì thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 09, diện tích 2.412,2m² là 390.552.000 đồng.

Căn cứ quy định tại Điều 131, Điều 136, Điều 137, Điều 146 Bộ luật dân sự năm 1995; giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật, thì phải hoàn trả bằng tiền, bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường. Do bà H mới trả cho ông T, bà A 25.000.000 đồng, tương đương với 40,32% giá trị hợp đồng nên thiệt hại được xác định là: 390.552.000 đồng x 40,32% = 157.471.000 đồng. Do mức độ lỗi của mỗi bên tương đương nhau nên mức bồi thường thiệt hại là 157.471.000 đồng : 2 = 78.735.000 đồng.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc T, đồng thời tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên là vô hiệu, xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu và dựa trên số tiền đã giao nhận, tính theo phần trăm giá trị hợp đồng để xác định thiệt hại, xác định lỗi đều thuộc về các bên tham gia ký kết hợp đồng, mức độ lỗi tương đương, cụ thể buộc ông T, bà A phải hoàn trả cho bà H 25.000.000 đồng đã nhận, ông T, bà A có nghĩa vụ bồi thường cho bà H số tiền 78.735.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 2013 và Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp là thiếu sót. Bởi lẽ các hợp đồng trên được ký kết vào thời điểm năm 2005. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm vận dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 1995, Luật đất đai năm 2003 để giải quyết tranh chấp.

[3] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, xét kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Hiếu H là không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị Hiếu H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

[1] Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị Hiếu H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng Điều 131, Điều 136, Điều 137, Điều 146 khoản 2, 3 Điều 690, Điều 696 Bộ luật dân sự năm 1995; Khoản 2, khoản 4 Điều 131; khoản 1 Điều 407 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 4, Điều 5, Điều 46, khoản 1 Điều 106 của Luật đất đai năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Ngọc T. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Dương Thị Hiếu H và ông Đỗ Thiên L;

- Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trịnh Ngọc T, bà Trần Thị A với bà Dương Thị Hiếu H, chuyển nhượng thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 09, diện tích: 2412,2m², địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk, được thể hiện trong “Giấy sang nhượng đất thổ cư và đất vườn” ngày 29/3/2005 và “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 17/5/2005 là vô hiệu.

- Tạm giao cho ông Trịnh Ngọc T, bà Trần Thị A thửa đất số 80a, tờ bản đồ số 09, diện tích 2412,2m² (Theo kết quả đo hiện trạng thửa đất ngày 30/01/2024 của Công ty TNHH D, chi nhánh Đắk Lắk). Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc ông Trịnh Ngọc T, bà Trần Thị A phải trả cho bà Dương Thị Hiếu H số tiền 103.735.000 đồng (Một trăm lẻ ba triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Về chi phí tố tụng: Buộc bà Dương Thị Hiếu H phải hoàn trả 6.200.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm nghìn đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho ông Trịnh Ngọc T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị Hiếu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông Đỗ Thiên L và bà Dương Thị Hiếu H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H, ông L đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2022/0003846 ngày 04/01/2024.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị Hiếu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng bà H, ông L đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0004015 ngày 18/9/2024.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Lắk;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đăng Công TTĐT TANDTC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Sâm